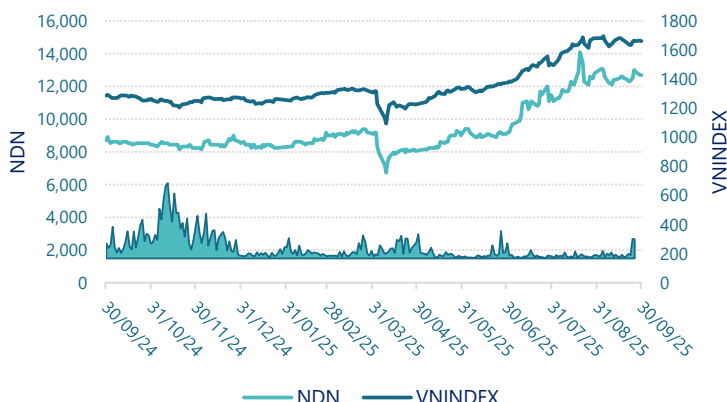


CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng (HNX: NDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,726
SL cổ phiếu LH	71,657,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)	587,895
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	910
P/E	6.5
EPS	1,948

DT thuần

Q3/25

9.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.40 | 58.6%

YoY: ▼14.5 | -61.1%

LN sau thuế

Q3/25

70.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.5 | 142%

YoY: ▲ 68.8 | 3356%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

934%

+/- YoY: ▲ 913%

DT thuần

9T 2025

20.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼27.7 | -58.1%

LN sau thuế

9T 2025

145

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 103 | 248%

ROE

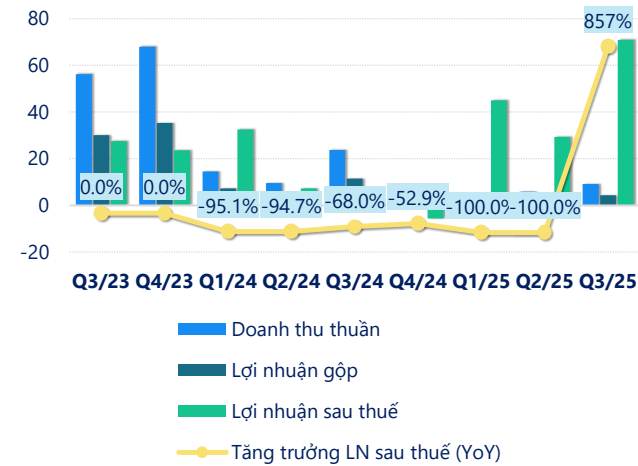
Q3/25

12.1%

+/- YoY: ▲ 6.1%

tỷ VNĐ

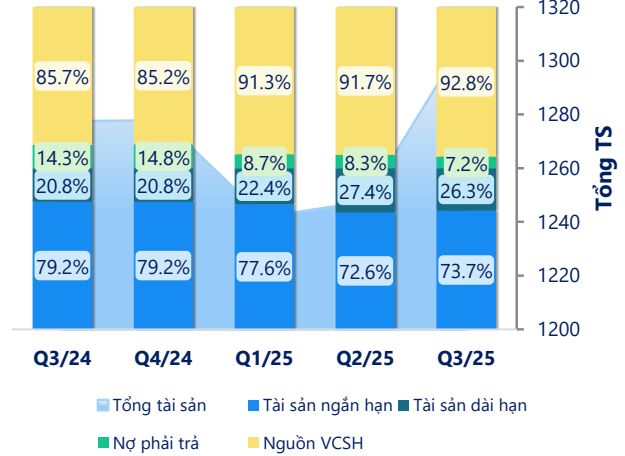
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

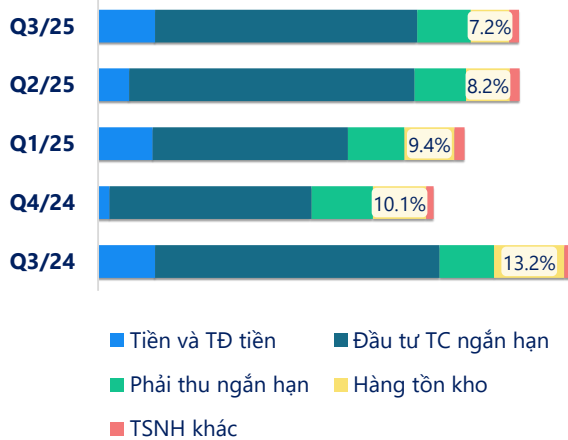
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



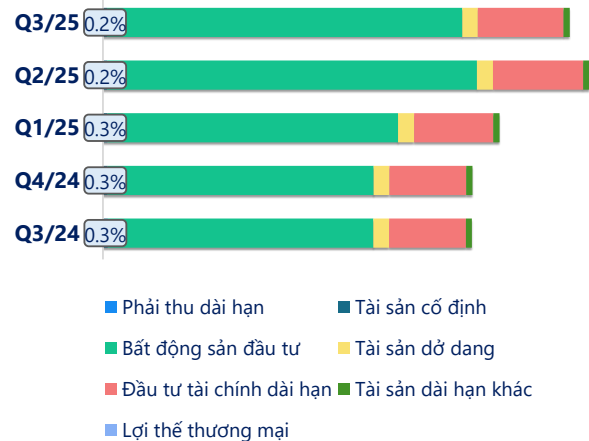
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

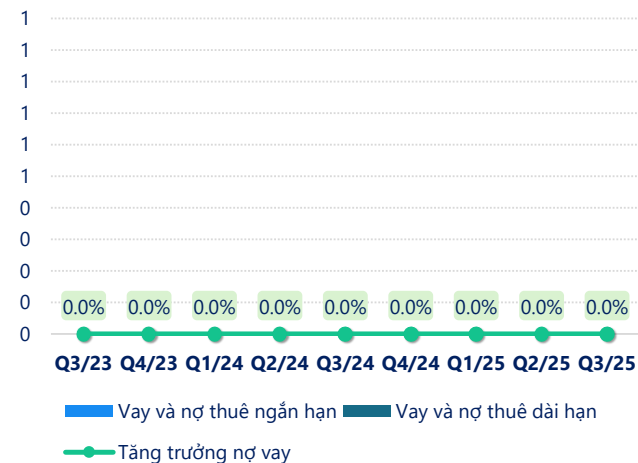
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

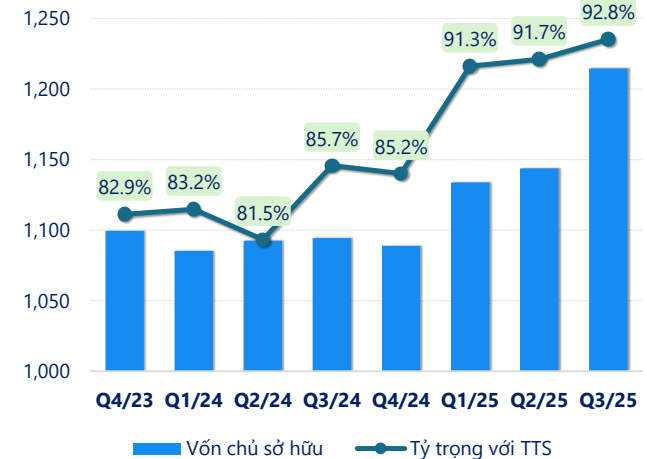
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

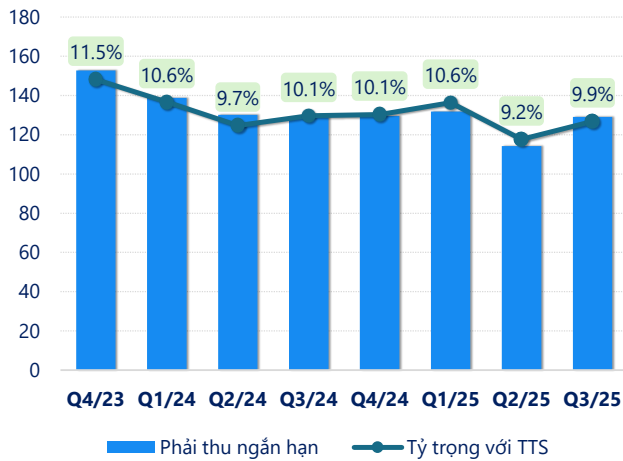
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



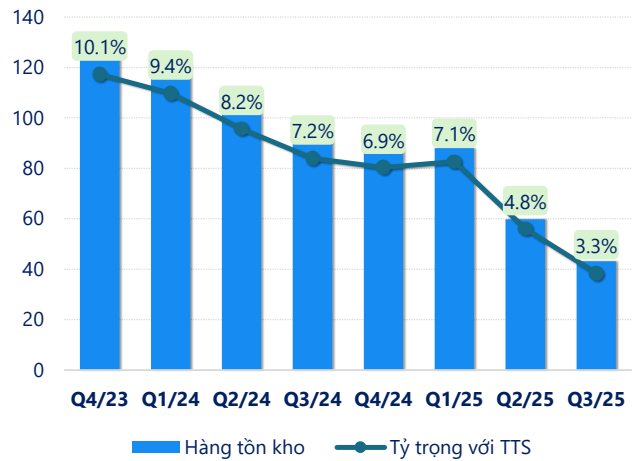
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


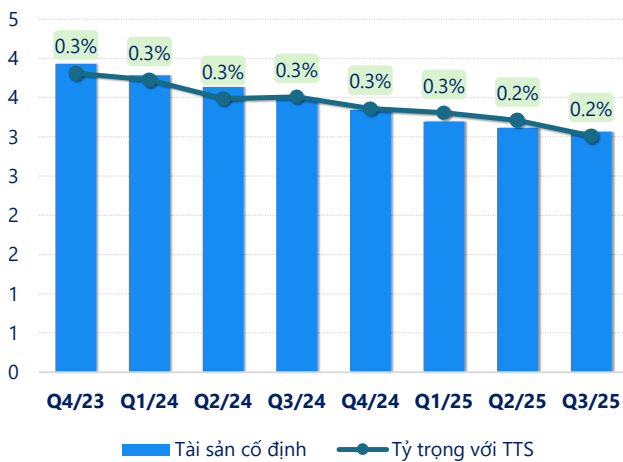
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


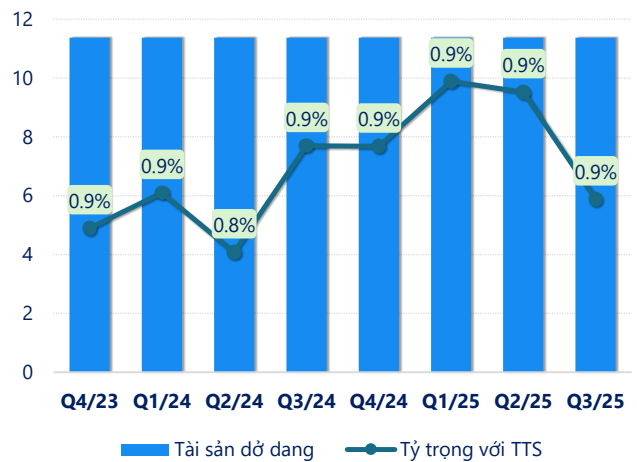
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

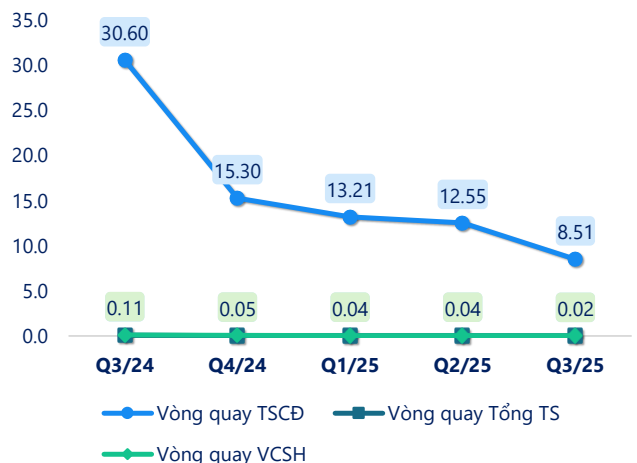
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,277	1,278	1,242	1,248	1,309
Tài sản ngắn hạn	1,012	1,011	964	905	964
Tiền và tương đương tiền	137	27.4	128	73.2	140
Đầu tư tài chính ngắn hạn	630	750	600	642	637
Phải thu ngắn hạn	129	130	132	114	129
Hàng tồn kho	92.0	87.9	88.0	59.9	43.2
Tài sản ngắn hạn khác	23.4	16.5	16.0	15.8	14.5
Tài sản dài hạn	266	266	278	342	345
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.49	3.34	3.19	3.11	3.07
Bất động sản đầu tư	191	192	203	260	262
Tài sản dở dang	11.4	11.4	11.4	11.4	11.4
Đầu tư tài chính dài hạn	55.4	55.4	55.3	63.3	63.3
Tài sản dài hạn khác	4.17	4.38	4.45	4.53	4.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	183	189	108	104	94.0
Nợ ngắn hạn	182	188	107	103	93.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	50.0	48.0	46.3	46.3	43.6
Nợ dài hạn	1.04	1.10	1.19	1.13	1.05
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,094	1,089	1,134	1,144	1,215
Vốn chủ sở hữu	1,094	1,089	1,134	1,144	1,215
Vốn điều lệ	717	717	717	717	717
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)